

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y L
TỈNH PH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HS-ST
Ngày 28 – 3 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y L- TỈNH PH TH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Ninh Thị H

Hội thẩm nhân dân: Ông Thẩm Văn M và ông Hà Tuấn H

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà G - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y L, tỉnh Ph Th.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y L tham gia phiên tòa: Ông Phạm Mạnh H - kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y L, tỉnh Ph Th xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2025/TLST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXX-ST ngày 14 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Đại D - sinh ngày 22 tháng 6 năm 1989. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: Khu Q Tr, xã Ph Kh, huyện Y L, Ph Th.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Bố đẻ: Trần Văn M (đã chết). Mẹ đẻ: Hà Thị Nh (đã chết); có vợ là Triệu Phương L, sinh năm 1996 và 02 người con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 04/11/2024 đến ngày 11/11/2024 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang bị cáo đang tại ngoại tại xã Ph Kh, huyện Y L, tỉnh Ph Th (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Phạm Thị Th - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ph Th (có mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1990. Trú tại: Khu L A, xã M L, huyện Y L, tỉnh Ph Th (Đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có quen biết với Trần Đại D, sinh ngày 22/6/1989, ở khu Q Tr, xã Ph Kh, huyện Y L, tỉnh Ph Th, ngày 07/4/2023 Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1990, ở khu L A, xã M L, huyện Y L, tỉnh Ph Th cần tiền để kinh doanh xưởng mộc của gia đình

nên đã hỏi Trần Đại D vay tiền, D đồng ý và thỏa thuận cho A vay tiền với lãi suất cao để thu lời bất chính. Sau đó, trong khoảng thời gian từ ngày 07/4/2023 đến ngày 22/7/2023, Trần Đại D đã cho anh Nguyễn Tuấn A vay 08 lần, với tổng số tiền là 140.000.000đ để thu lời bất chính, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 07/4/2023, Trần Đại D cho Nguyễn Tuấn A vay số tiền 10.000.000 đồng tiền mặt, không ấn định ngày trả tiền gốc và thỏa thuận với nhau lãi suất là 10.000đ/1 triệu/01 ngày (*lãi suất tương ứng với 365%/năm*), tiền lãi trả theo kỳ là 10 ngày/một lần. Thỏa thuận xong D đưa cho A số tiền 9.000.000đ, còn 1.000.000đ thì D tính và thu lãi luôn 01 kỳ của A. Sau đó, A trả tiền lãi cho D tổng cộng 8.000.000 đồng (tương ứng với 08 kỳ trả lãi = 80 ngày). Ngày 15/7/2023, Trần Đại D và Nguyễn Tuấn A đã thỏa thuận và tính tiền lãi chưa trả đến ngày 15/7/2023 là 19 ngày, tương đương số tiền 1.900.000đ. Từ ngày 15/7/2023, D chỉ yêu cầu A phải trả tiền gốc và tiền phạt chậm trả, không tính tiền lãi đối với A.

Như vậy đối với khoản vay này, D đã cho Nguyễn Tuấn A Vay 10.000.000đ, Tổng số tiền lãi A phải trả cho D từ ngày 07/4/2023 đến ngày 15/7/2023 (99 ngày) là 9.900.000 đồng (tương ứng với lãi suất 365%/năm) cao gấp 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự. Trong đó: lãi suất đến 20%/năm là 549.450 đồng. Lãi suất trên 20% là 9.350.550 đồng. Số tiền lãi A thực tế đã trả cho D là 8.000.000 đồng. Trong đó: Lãi suất đến 20% là 444.000 đồng. Lãi suất trên 20% là 7.556.000 đồng.

Lần 2: Ngày 10/4/2023, Trần Đại D cho Nguyễn Tuấn A vay số tiền 40.000.000 đồng tiền mặt, không ấn định ngày trả tiền gốc và thỏa thuận với nhau lãi suất là 10.000đ/1 triệu/01 ngày (*lãi suất tương ứng với 365%/năm*), tiền lãi trả theo kỳ là 10 ngày/một lần. Thỏa thuận xong D đưa cho A số tiền 36.000.000đ, còn 4.000.000đ thì D tính và thu lãi luôn 01 kỳ của A. Sau đó, A trả tiền lãi cho D tổng cộng 32.000.000 đồng (tương ứng với 08 kỳ trả lãi = 80 ngày). Ngày 15/7/2023, Trần Đại D và Nguyễn Tuấn A đã thỏa thuận và tính tiền lãi chưa trả tính đến ngày 15/7/2023 là 16 ngày, tương đương số tiền 6.400.000đ. Từ ngày 15/7/2023, D chỉ yêu cầu Anh phải trả tiền gốc và tiền phạt chậm trả, không tính tiền lãi đối với A.

Như vậy đối với khoản vay này, D đã cho Nguyễn Tuấn A vay số tiền 40.000.000đ, Tổng số tiền lãi A phải trả cho D từ ngày 10/4/2023 đến ngày 15/7/2023 (96 ngày) là 38.400.000 đồng (tương ứng với lãi suất 365%/năm) cao gấp 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự. Trong đó: lãi suất đến 20% là 2.131.200 đồng. Lãi suất trên 20% là 36.268.800 đồng. Số tiền lãi A thực tế đã trả cho D là 32.000.000 đồng. Trong đó: Lãi suất đến 20% là 1.776.000 đồng. Lãi suất trên 20% là 30.224.000 đồng.

Lần 3: Ngày 14/4/2023, Trần Đại D cho Nguyễn Tuấn A vay số tiền 20.000.000 đồng tiền mặt, không ấn định ngày trả tiền gốc và thỏa thuận với nhau lãi suất là 10.000đ/1 triệu/01 ngày (*lãi suất tương ứng với 365%/năm*), tiền lãi trả theo kỳ là 10

ngày/một lần. Thỏa thuận xong D đưa cho Anh số tiền 18.000.000đ, còn 2.000.000đ thì D tính và thu lãi luôn 01 kỳ của A. Sau đó, Anh trả tiền lãi cho D tổng cộng 15.000.000 đồng (tương ứng với 7,5 kỳ trả lãi = 75 ngày). Ngày 15/7/2023, Trần Đại D và Nguyễn Tuấn A đã thỏa thuận và tính tiền lãi chưa trả tính đến ngày 15/7/2023 là 17 ngày, tương đương số tiền 3.400.000đ. Từ ngày 15/7/2023, D chỉ yêu cầu A phải trả tiền gốc và tiền phạt chậm trả, không tính tiền lãi đối với Anh.

Như vậy đối với khoản vay này, D đã cho Nguyễn Tuấn A vay số tiền 20.000.000đ, Tổng số tiền lãi A phải trả cho D từ ngày 14/4/2023 đến ngày 15/7/2023 (92 ngày) là 18.400.000 đồng (tương ứng với lãi suất 365%/năm) cao gấp 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự. Trong đó: lãi suất đến 20% là 1.021.200 đồng. Lãi suất trên 20% là 17.378.800 đồng. Số tiền lãi A thực tế đã trả cho D là 15.000.000 đồng. Trong đó: Lãi suất đến 20% là 832.500 đồng. Lãi suất trên 20% là 14.167.500 đồng.

Lần 4: Ngày 21/4/2023, Trần Đại D cho Nguyễn Tuấn A vay số tiền 10.000.000 đồng tiền mặt, không ấn định ngày trả tiền gốc và thỏa thuận với nhau lãi xuất là 10.000đ/1 triệu/01 ngày (*lãi suất tương ứng với 365%/năm*), tiền lãi trả theo kỳ là 10 ngày/một lần. Thỏa thuận xong D đưa cho Anh số tiền 9.000.000đ, còn 1.000.000đ thì D tính và thu lãi luôn 01 kỳ của A. Sau đó, Anh trả tiền lãi cho D tổng cộng 7.000.000 đồng (tương ứng với 7 kỳ trả lãi = 70 ngày). Ngày 15/7/2023, Trần Đại D và Nguyễn Tuấn A đã thỏa thuận và tính tiền lãi chưa trả tính đến ngày 15/7/2023 là 15 ngày, tương đương số tiền 1.500.000đ. Từ ngày 15/7/2023, D chỉ yêu cầu A phải trả tiền gốc và tiền phạt chậm trả, không tính tiền lãi đối với A.

Như vậy đối với khoản vay này, D đã cho Nguyễn Tuấn A vay số tiền 10.000.000đ, Tổng số tiền lãi A phải trả cho D từ ngày 21/4/2023 đến ngày 15/7/2023 (85 ngày) là 8.500.000 đồng (tương ứng với lãi suất 365%/năm) cao gấp 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự. Trong đó: lãi suất đến 20% là 471.750 đồng. Lãi suất trên 20% là 8.028.250 đồng. Số tiền lãi A thực tế đã trả cho D là 7.000.000 đồng. Trong đó: Lãi suất đến 20% là 388.500 đồng. Lãi suất trên 20% là 6.611.500 đồng.

Lần 5: Ngày 24/5/2023, Trần Đại D cho Nguyễn Tuấn A vay số tiền 10.000.000 đồng tiền mặt và thỏa thuận với nhau vay nóng trả gốc luôn trong ngày với lãi xuất là 100.000đ/1 triệu/01 ngày (*lãi suất tương ứng với 3650%/năm*). Thỏa thuận xong D đưa cho A số tiền 9.000.000đ, còn 1.000.000đ thì D tính và thu lãi luôn của A. Trong ngày 24/5/2023, A đã trả 10.000.000đ tiền gốc cho D. Như vậy đối với khoản vay này, D đã cho Nguyễn Tuấn A vay số tiền 10.000.000đ, số tiền lãi A phải trả cho D là 1.000.000 đồng (tương ứng với lãi suất 3650%/năm) cao gấp 182,5 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự. Trong đó: lãi suất đến 20% là 5.550 đồng. Lãi suất trên 20% là 994.450 đồng.

Lần 6: Ngày 26/6/2023, Trần Đại D cho Nguyễn Tuấn A vay số tiền 20.000.000 đồng tiền mặt và thỏa thuận với nhau vay nóng trả gốc trong thời hạn 03 ngày với lãi xuất là 50.000đ/1 triệu/01 ngày (*lãi suất tương ứng với 1.825%/năm*). Thỏa thuận xong D đưa cho A số tiền 17.000.000đ, còn 3.000.000đ thì D tính và thu lãi luôn của A trong thời hạn 03 ngày. Đến ngày 28/6/2023, A đã trả 20.000.000đ tiền gốc cho D. Như vậy đối với khoản vay này, D đã cho Nguyễn Tuấn A vay số tiền 20.000.000đ, số tiền lãi A phải trả cho D là 3.000.000 đồng (tương ứng với lãi suất 1.825%/năm) cao gấp 91,25 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự. Trong đó: lãi suất đến 20% là 33.300 đồng. Lãi suất trên 20% là 2.966.700 đồng.

Lần 7: Ngày 12/7/2023, Trần Đại D cho Nguyễn Tuấn A vay số tiền 20.000.000 đồng tiền mặt và thỏa thuận với nhau vay nóng trả gốc trong thời hạn 01 ngày với lãi xuất là 50.000đ/1 triệu/01 ngày (*lãi suất tương ứng với 1.825%/năm*). Thỏa thuận xong D đưa cho A số tiền 19.000.000đ, còn 1.000.000đ thì D tính và thu lãi luôn của A trong thời hạn 01 ngày. Trong ngày 12/7/2023, A đã trả 20.000.000đ tiền gốc cho D. Như vậy đối với khoản vay này, D đã cho Nguyễn Tuấn A vay số tiền 20.000.000đ, số tiền lãi A phải trả cho D là 1.000.000 đồng (tương ứng với lãi suất 1.825%/năm) cao gấp 91,25 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự. Trong đó: lãi suất đến 20% là 11.100 đồng. Lãi suất trên 20% là 988.900 đồng.

Lần 8: Ngày 22/7/2023, Trần Đại D cho Nguyễn Tuấn A vay số tiền 10.000.000 đồng tiền mặt và thỏa thuận với nhau vay nóng trả gốc trong thời hạn 01 ngày với lãi xuất là 100.000đ/1 triệu/01 ngày (*lãi suất tương ứng với 3.650%/năm*). Thỏa thuận xong D đưa cho A số tiền 9.000.000đ, còn 1.000.000đ thì D tính và thu lãi luôn của A trong thời hạn 01 ngày. Trong ngày 22/7/2023, A đã trả 10.000.000đ tiền gốc cho D. Như vậy đối với khoản vay này, D đã cho Nguyễn Tuấn A vay số tiền 10.000.000đ, số tiền lãi A phải trả cho D là 1.000.000 đồng (tương ứng với lãi suất 3.650%/năm) cao gấp 182,5 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự. Trong đó: lãi suất đến 20% là 5.550 đồng. Lãi suất trên 20% là 994.450 đồng.

Đối với các lần 1, 2, 3, 4 (vào ngày 07/4/2023; 10/4/2023; 14/4/2023; 21/4/2023), Trần Đại D cho Nguyễn Tuấn A vay: Thời gian đầu khi vay, Nguyễn Tuấn A trả tiền lãi đầy đủ, đúng hạn, nhưng sau đó nợ một số kỳ lãi chưa trả. Đến ngày 15/7/2023, D và A đã thỏa thuận không thu tiền lãi của A nữa và chốt số tiền lãi của các khoản vay trên tính đến ngày 15/7/2023, cụ thể: khoản vay ngày 07/4/2023, còn nợ lãi 19 ngày tương ứng số tiền 1.900.000đ. Khoản vay ngày 10/4/2023, còn nợ lãi 16 ngày tương ứng số tiền 6.400.000đ. Khoản vay ngày 14/4/2023, còn nợ lãi 17 ngày lãi tương ứng với số tiền 3.400.000đ. Khoản vay ngày 21/4/2023 còn nợ lãi 15 ngày tương ứng số tiền 1.500.000đ. Tổng số tiền lãi còn nợ là 13.200.000đ, lãi suất đến 20% là 723.600 đồng, lãi suất trên 20% là 12.467.400 đồng. D yêu cầu A phải trả số tiền gốc 80.000.000đ và số tiền lãi còn thiếu 13.200.000đ. Ngoài số tiền gốc và số tiền lãi chưa trả, D đã phạt A số tiền 16.800.000đ, vì trả tiền gốc, tiền lãi muộn. Tổng cộng là

110.000.000đ. Thời điểm này, để tránh bị phát hiện hành vi cho vay lãi nặng của mình, D đã bắt A viết giấy cam kết với nội dung đã nhận của D số tiền 110.000.000đ đặt cọc, để mua lại chiếc xe tải của A. Sau đó, D đã nhắc và đòi nợ nhiều lần, nhưng A không trả. Đến ngày 22/9/2023, D bắt A phải viết lại giấy cam kết khác với nội dung đã nhận số tiền 150.000.000 đồng, trong đó có số tiền 110.000.000 đồng của giấy cam kết ngày 15/7/2023 và phạt thêm số tiền 40.000.000 đồng. Đến nay, Nguyễn Tuấn A chưa trả tiền gốc, tiền lãi chưa trả và tiền phạt như trên cho Trần Đại D. Ngày 03/11/2024, Nguyễn Tuấn A đã làm đơn tố giác hành vi của Trần Đại D đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Ph Th để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với các khoản cho vay lần 5, 6, 7, 8 (vào các ngày 24/5/2023; 26/6/2023; 12/7/2023; 22/7/2023) mà Trần Đại D cho Nguyễn Tuấn A vay. Quá trình điều tra đã chứng minh, số tiền thu lời bất chính mỗi lần đều dưới 30.000.000đ, các hành vi này của D mặc dù chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, nhưng các hành vi này đã kết thúc và tính từ thời điểm kết thúc hành vi đến ngày 03/11/2024 (ngày phát hiện) đã quá thời hạn 01 năm nên đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1, Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính. Do đó, không có căn cứ để xử lý.

Như vậy, từ ngày 7/4/2023 đến ngày 03/11/2024, Trần Đại D đã có hành vi cho Nguyễn Tuấn A 04 lần vay tiền với lãi suất cao. Tổng số tiền Trần Đại D cho Nguyễn Tuấn A vay là 80.000.000đ, Lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương ứng với lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi Nguyễn Tuấn A phải trả cho Trần Đại D là 75.200.000 đồng. Trong đó: lãi suất đến 20% là 4.173.600 đồng. Lãi suất trên 20% là 71.026.400 đồng. Ngoài số tiền lãi, Trần Đại D còn phạt Nguyễn Tuấn A số tiền 56.800.000đ để thu trái pháp luật, vì A chậm trả tiền gốc, tiền lãi. Trong 04 lần cho vay tiền trên, thì lần cho vay ngày 10/4/2023 (lần 2), D đã cho vay để nhằm thu lời bất chính số tiền 36.268.800đ (thực tế D đã thu lời bất chính được số tiền 30.224.000đ). Còn các lần cho vay vào các ngày 07/4/2023, 14/4/2023; 21/4/2023 (lần 1, 3, 4), D cho vay nhằm thu lời bất chính với tổng số tiền là 34.757.600đ (thực tế D đã thu lời bất chính được số tiền 28.335.000đ), số tiền thu lời bất chính của mỗi lần đều dưới 30.000.000đ. Tuy nhiên, các hành vi này của D chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, Tổng số tiền thu lời bất chính để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Đại D là 127.826.400 đồng, trong đó: Số tiền lãi thực tế Trần Đại D đã thu được là 62.000.000 đồng (Lãi suất đến 20% là 3.441.000 đồng. Lãi suất trên 20% là 58.559.000 đồng); Số tiền lãi Trần Đại D chưa thu được là 13.200.000 đồng (Lãi suất đến 20% là 732.600 đồng, lãi suất trên 20% là 12.467.400 đồng); Số tiền phạt thu trái pháp luật chưa thu được là 56.800.000đ.

Đối với số tiền thu lời bất chính mà Trần Đại D thực tế đã thu của Nguyễn Tuấn A là 58.559.000 đồng, ngày 04/01/2025 D đã tự nguyện trả lại cho A số tiền 65.000.000đ. Đối với số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ

luật Dân sự mà Trần Đại D đã thu của Nguyễn Tuấn A là 3.441.000đ và số tiền 80.000.000đ tiền vay gốc mà Nguyễn Tuấn A chưa trả cho D. Cơ quan điều tra đã yêu cầu D, A giao nộp, nhưng số tiền này các đối tượng đã sử dụng hết nên chưa thu giữ được.

Cáo trạng số 05/CT-VKS-YL ngày 08/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y L, tỉnh Ph Th truy tố bị cáo Trần Đại D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử :

+ *Về trách nhiệm hình sự*: Tuyên bố bị cáo Trần Đại D phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 65; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt bị cáo Trần Đại D từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo D có nghề nghiệp lao động tự do, không có tài sản riêng, thu nhập thấp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ *Các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng vụ án*: Áp dụng khoản 1 điều 46; điểm a khoản 1 điều 47; khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự; Điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự:

- Truy thu của Nguyễn Tuấn A số tiền 80.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước (tiền D dùng để cho Nguyễn Tuấn A vay lãi nặng thực hiện hành vi phạm tội mà A chưa trả).

- Truy thu của Trần Đại D số tiền 3.441.000 đồng để sung công quỹ nhà nước (tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà người phạm tội đã thu của người vay).

- Xác nhận Trần Đại D đã trả lại số tiền 58.559.000 đồng cho Nguyễn Tuấn A (tự thỏa thuận trả lại cho A số tiền 65.000.000đ lớn hơn số tiền phải trả lại).

- Tịch thu của bị cáo Trần Đại D 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 13 pro đã cũ để sung vào ngân sách nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy 01 phôi sim điện thoại có số thuê bao 0963222689 (không còn giá trị sử dụng).

+ *Về án phí*: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tham gia tranh luận đối với bản luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Trần Đại D ăn năn về hành vi vi phạm pháp luật và xin giảm nhẹ hình phạt.

* Tại phiên tòa người bào chữa của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, cụ thể là bị cáo có nhiều tiết giảm nhẹ như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã khắc phục hậu quả, ông nội bị cáo được nhà nước

tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất và bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật không đầy đủ, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo có cơ hội sửa chữa, giúp ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Đại D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là do muốn có tiền để chi tiêu nên Trần Đại D cho Nguyễn Tuấn A vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để thu lời bất chính 04 lần, tổng số tiền cho vay là 80.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/ngày, tương ứng với lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất của bộ luật dân sự, nhằm để thu lời bất chính số tiền là 71.026.400 đồng và thu tiền phạt trái pháp luật là 56.800.000 đồng, tổng số tiền thu lời bất chính là 127.826.400 đồng, như vậy hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Trần Đại D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 điều 201 BLHS.

Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y L truy tố bị cáo về tội danh là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Điều 201 Bộ luật hình sự quy định: Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 3 năm”...

Đối với các lần Trần Đại D cho Nguyễn Tuấn A vay vào các ngày 24/5/2023; 26/6/2023; 12/7/2023; 22/7/2023 (lần 5, 6, 7, 8). Trong quá trình điều tra cũng như tại

phiên tòa hôm nay đã chứng minh, số tiền thu lời bất chính mỗi lần đều dưới 30.000.000 đồng, các hành vi này của Dương đã kết thúc và đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên HĐXX không xem xét xử lý về những hành vi này.

+ Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, ảnh hưởng đến quy định của nhà nước về hoạt động tín dụng gây thiệt hại cho lợi ích của người vay, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, điều kiện để nhận thức và đạt độ tuổi theo quy định pháp luật, hiểu biết xã hội nhưng không rèn luyện bản thân, mà coi thường pháp luật, vì vậy cần phải xử phạt bị cáo trước pháp luật nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Song khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo vì có nhân thân tốt, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra, ngoài ra bị cáo có ông nội được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất và bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, vì vậy bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS và 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Do bị cáo có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên xét thấy chưa cần cách ly bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp được HĐXX chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 điều 201 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”. Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, thu nhập thấp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[3] Các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng của vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy các vật chứng gồm:

- Số tiền cho vay gốc là 80.000.000 đồng mà bị cáo D đã cho Nguyễn Tuấn A vay (Anh chưa trả cho bị cáo D), đây là số tiền mà bị cáo D sử dụng làm công cụ phạm tội nên cần thu hồi của Nguyễn Tuấn A để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Số tiền 3.441.000 đồng, là tiền lãi phát sinh từ tội phạm cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự từ 1% - 20%, là khoản tiền bị cáo D thực tế đã thu của Nguyễn Tuấn A nên cần thu hồi của bị cáo D để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Số tiền 58.559.000 đồng là tiền lãi thu lời bất chính (trên 20%) thực tế D đã thu của Nguyễn Tuấn A nên D phải trả lại cho Tuấn A theo quy định, tuy nhiên trong quá trình điều tra bị cáo D đã tự nguyện thỏa thuận trả lại cho Nguyễn Tuấn A số tiền 65.000.000 đồng lớn hơn số tiền phải trả lại nên cần xác nhận theo quy định.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 13 pro đã cũ thu giữ của bị cáo Trần Đại D, đây là vật có liên quan đến tội phạm, bị cáo Dương đã dùng để liên lạc và ghi lại các khoản tiền cho Nguyễn Tuấn A vay lãi nặng là công cụ dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu để sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 phôi sim điện thoại có số thuê bao 0963222689 đã cũ, thu giữ kèm theo chiếc điện thoại di động Iphone 13 Pro của Trần Đại D, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu để tiêu hủy.

[4] Về án phí: Bị cáo Trần Đại D là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên HĐXX miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định.

Đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa của bị cáo Trần Đại D là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ khoản 2, Điều 201; Điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Đại D phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

Xử phạt bị cáo Trần Đại D 15(Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Đại D cho Ủy ban nhân dân xã Ph Kh, huyện Y L, tỉnh Ph Th để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1, Điều 46; điểm a khoản 1, Điều 47; khoản 1, Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Thu hồi của Nguyễn Tuấn A số tiền cho vay gốc là 80.000.000 đ (Tám mươi triệu đồng) để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Thu hồi của bị cáo Trần Đại D số tiền 3.441.000 đ (Ba triệu bốn trăm bốn một nghìn đồng), là tiền lãi phát sinh từ tội phạm cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự từ 1% - 20%, để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Xác nhận bị cáo Trần Đại D đã trả lại số tiền 65.000.000đ (Sáu mươi năm triệu đồng) cho Nguyễn Tuấn A (tự thỏa thuận số tiền lớn hơn số tiền phải trả lại 58.559.000 đồng).

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 13 pro đã cũ của bị cáo Trần Đại D (Theo biên bản giao, nhận vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y L, tỉnh Ph Th ngày 19/02/2025).

- Tịch thu tiêu hủy 01 phôi sim điện thoại có số thuê bao 0963222689 đã cũ, qua sử dụng của bị cáo Trần Đại D (Theo biên bản giao, nhận vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y L, tỉnh Ph Th ngày 19/02/2025).

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Đại D.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Ph Th để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Y L;
- VKSND tỉnh Ph Th;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Ph Th;
- CQTHA hình sự CA tỉnh Ph Th;
- Chi cục THADS huyện Y L;
- Công an xã Ph Kh, huyện YL;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ninh Thị H

